

ĐỊNH MỆNH LUẬN VÀ NGHIỆP BÁO LUẬN - HAI LÝ THUYẾT KHÁC NHAU VỀ SỐ PHẬN CON NGƯỜI

LÊ NGỌC CƯỜNG^(*)

Niềm tin vào số phận là một trong những niềm tin xa xưa nhất của nhân loại. Người ta có thể dễ dàng nhận thấy sự tin tưởng của con người vào số phận qua các tín ngưỡng, tôn giáo, qua văn học nghệ thuật, qua đời sống sinh hoạt của con người trong thời cổ đại lẫn thời hiện đại, kể cả ở Phương Đông lẫn Phương Tây. Niềm tin vào số phận là niềm tin vào cái gì đó như đã được sắp đặt (be arranged), được định sẵn, được tiền định (be predestinated) được an bài (be disposed); là niềm tin vào những gì diễn ra ở nhiên giới (giới tự nhiên) và nhân giới (loài người) mà con người không cưỡng lại được, không thay đổi được. Những gì diễn ra mà con người không thể cưỡng lại được (cannot be able to resist), không thể thay đổi được (cannot be able to change) thì đó là số phận, là định mệnh.

Định mệnh luận (Theory of fate) và Nghiệp báo luận (Theory of Karma Reward) là những lý thuyết triết học - tôn giáo về đời sống và số phận con người. Thoạt nhìn, hai lý thuyết này có vẻ như giống nhau, đồng nhất với nhau nhưng thực chất giữa chúng có sự khác nhau căn bản. Cùng luận thuyết về đời sống con người nhưng Định mệnh luận và

Nghiệp báo luận xuất phát từ những lập trường khác nhau và đi tới đường hướng sống khác nhau tạo nên những sinh hoạt xã hội khác nhau. Khảo cứu và chỉ ra những nội dung căn bản của hai lý thuyết này để làm căn cứ cho giới nghiên cứu nhận định, đánh giá những tác động và ảnh hưởng của chúng đối với đời sống xã hội là yêu cầu mà chúng tôi đặt ra cho mình trong bài viết này.

Định mệnh luận và các hình thái biểu hiện của nó.

Định mệnh luận là lý luận về định mệnh, lý luận về sự quyết định của các thế lực, các sức mạnh đối với đời sống con người; là lý luận về mối liên hệ phụ thuộc của con người vào các thế lực, các sức mạnh mà con người không thể cưỡng lại được, không thể thay đổi được; lý luận về các thế lực, các sức mạnh tạo nên số phận con người.

Là lý luận về định mệnh, về sự quyết định của các thế lực các sức mạnh tạo nên số phận con người nhưng Định mệnh luận có nhiều hình thái biểu hiện khác nhau. Theo chúng tôi, Định mệnh luận có các hình thái biểu hiện cơ bản sau đây:

^{*}. ThS., Đại học KHXH và NV, Hà Nội.

* *Quyết định luận siêu nhiên*
(Supernatural determinism)

Quyết định luận siêu nhiên hay có thể gọi là quyết định luận thần lí là hình thái biểu hiện đầu tiên của Định mệnh luận. Đây là lí thuyết dùng các lực lượng siêu nhiên (Supernatural forces), các sức mạnh siêu thế (Superworld strengths) để giải thích vũ trụ, đời sống và số phận con người. Theo lí thuyết này sự hoạt động của các lực lượng siêu nhiên là nguyên lí sáng tạo, quyết định, quản trị vũ trụ và con người. Thuộc về lí thuyết này là những quan điểm, quan niệm được nhận biết qua các tín ngưỡng, tôn giáo ở các nước, các châu lục.

Biểu hiện sớm nhất của Quyết định luận siêu nhiên của người Phương Tây là tín ngưỡng của người Hy Lạp cổ đại được phản ánh trong các truyện thần thoại. Theo tín ngưỡng của người Hy Lạp cổ đại thì Jupiter là vị thần tối cao cai quản toàn thể sinh hoạt của loài người bằng cách thi hành những điều đã được ghi trong quyển sách gọi là The Fates⁽¹⁾. Theo quyển sách này, tất cả mọi chi tiết liên quan đến đời sống của từng cá nhân con người, những nỗi khổ niềm đau, những thăng trầm, vinh nhục của đời sống con người đều đã được định sẵn. Diễn tiến đời sống của từng cá nhân con người chỉ là “hiện thực hoá” của những gì đã được sắp đặt và đời sống của mỗi cá nhân con người không bao giờ đi chệch khỏi những quy định, những sắp đặt đó. Bằng những vở kịch của mình, Sôphôclơ (Sophocles)⁽²⁾ đã nói lên niềm tin tưởng của người Hy Lạp vào định mệnh. Trong vở kịch Oedipe-roi của mình, Sôphôclơ để

cho nhà tiên tri Térésias phán rằng O-đip (oedipus) sẽ giết cha lấy mẹ; Thánh thần đã quy định vậy và câu chuyện sẽ xảy ra như vậy. Câu chuyện đã xảy ra đúng như lời phán truyền của Térésias: O-đip đã giết cha và cưới mẹ mình. O-đip hoàn toàn không biết gì về định mệnh. Chàng làm vậy vì định mệnh đã buộc chàng làm vậy. Chàng biết đâu rằng người mà chàng kết liễu và người mà chàng kết hôn là cha mẹ đẻ của mình. Tội ác và loạn luân, chàng vô cùng đau khổ khi nhận ra sự thật nhưng dù đau khổ tới đâu chàng cũng không chống lại được sự quái ác của định mệnh. Chàng đã hoàn thành định mệnh.

Có lẽ không cần phải bàn cãi gì nữa là các tôn giáo hữu thần là biểu hiện rõ ràng nhất của định mệnh luận thần lí của người Phương Tây. Người ta dễ dàng bắt gặp niềm tin sâu sắc vào những lực lượng siêu nhiên tối cao của người Phương Tây qua kinh sách, qua các ấn phẩm tôn giáo và qua sự hành đạo của các bốn đạo của các tôn giáo đó. Niềm tin sâu sắc vào các lực lượng siêu nhiên tối cao và sự hành đạo của các tín đồ đã tạo thành một hiện tượng sinh hoạt tôn giáo trên bề mặt xã hội của người Phương Tây.

Ở Phương Đông, quan niệm về sự sắp đặt của Đấng Tối cao vô hình đối với vạn vật vạn sự, đối với con người cũng thuộc về Quyết định luận siêu nhiên. Brahman trong Ấn Độ giáo⁽³⁾ hay Mệnh Trời trong

1. *Oxford Advanced Learner's Dictionary of current English*, Oxford University Press, 1992, p. 324.

2. *Oxford Advanced Learner's Dictionary of current English*, ibid, p. 870.

3. Ấn Độ giáo hay Hinduism là tôn giáo của người Ấn Độ.

Nho giáo⁽⁴⁾ đều là những cành nhánh địa phương của Quyết định luận siêu nhiên hay Định mệnh luận thần lí. Theo Ấn Độ giáo, Brahman là lực lượng sáng tạo tối cao của toàn thể vũ trụ và con người, Brahman quy định trật tự, đẳng cấp xã hội và phẩm giá con người. Theo Nho giáo, Mệnh Trời tuy vô hình nhưng xếp đặt và cai quản tất cả. Sách Luận Ngữ viết: “*Tử sinh hữu mệnh, phú quý tại thiên*”⁽⁵⁾ (*Sinh ra có số mệnh, giàu sang do Trời*). Khái quát niềm tin vào Mệnh Trời của người Việt, đại thi hào Nguyễn Du đã viết: “*Ngẫm hay muôn sự tại Trời. Trời kia đã bắt làm người có thân. Bắt phong trần phải phong trần. Cho thanh cao mới được phần thanh cao*”⁽⁶⁾.

Qua những trình bày trên, tín lí căn bản của Quyết định luận siêu nhiên hay Định mệnh luận thần lí có thể được khái quát như sau:

* Tương lai của vũ trụ, của con người và của từng cá nhân con người đã được định sẵn. Tất cả đều đã được sắp xếp, đều đã được định trước. Cái gì phải xảy ra là phải xảy ra, không thể không xảy ra. Con người không thể thay đổi được sự sắp xếp này.

* Mọi hành vi, hành động, mọi diễn biến của đời sống con người; những thăng trầm, những thành công và thất bại của đời sống con người đều là kết quả điều hành của những lực lượng siêu nhiên tối cao mà các cá nhân con người không thể nhận thức được hoặc không thể cưỡng lại được. Con người chỉ thực hiện vai diễn của mình trên bức phong màn của định mệnh.

* **Quyết định luận tự nhiên** (Natural determinism)

Quyết định luận tự nhiên là hình thái biểu hiện thứ hai của Định mệnh luận. Đây là lí thuyết dựa vào kết quả nghiên cứu của các khoa học để khẳng định sự phụ thuộc của đời sống con người vào các định luật của tự nhiên. Lí thuyết này có những nội dung cơ bản như sau:

* Cấu tạo tự nhiên của con người là cấu tạo vật lí - sinh học. Cấu tạo này có quy luật hoạt động của nó. Mọi hoạt động của cơ thể con người đều phụ thuộc vào sinh hoạt của cơ thể mà cơ thể lại là một thành phần của vũ trụ vật lí - sinh học. Tồn tại của con người là tồn tại vật lí - sinh học với những năng lực tự nhiên sẵn có là nền tảng vật chất quy định đời sống tinh thần của con người. Đời sống vật lí - sinh học như thế nào thì đời sống tâm lí như thế ấy.

* Biết rõ các điều kiện vật lí - sinh học như thế nào tất yếu biết được đời sống tâm lí, biết được hành vi, hành động của con người trong tương lai. Mọi hành vi, hành động của con người đều tất yếu xảy ra trên nền tảng của cái tất yếu vật lí - sinh học. Con người hoàn toàn phụ thuộc vào các định luật này và không thể cưỡng lại được.

Leopold Szondi (1893 - 1986)⁽⁷⁾ là một trong những đại biểu của Quyết định luận tự nhiên. Từ những nghiên cứu trên phương diện Di truyền học, Leopold

4. Nho giáo là hệ thống triết học - đạo đức học của người Trung Quốc dựa vào những lời dạy của Khổng Tử hay Confucius.

5. Đoàn Trung Còn. *Luận Ngữ*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1996, tr. 182 - 183.

6. Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim hiệu khảo. *Kiều - Nguyễn Du*, Nxb. Đồng Nai, 1994, tr. 198.

7. Larousse. *Từ điển các nhà phát minh và các phát minh*, Nxb. Giáo dục, 2002, tr. 1153.

Szondi đã đi tới những quan niệm về số phận con người. Theo ông di truyền là cơ sở sinh học của số phận con người. Ông viết: “*Hai cá nhân có những di truyền giống nhau hay có liên hệ thân tộc sẽ thu hút nhau một cách vô thức trong tình yêu, tình bạn và nghề nghiệp*”⁽⁸⁾.

* **Quyết định luận xã hội** (Social determinism)

Quyết định luận xã hội là hình thái biểu hiện thứ ba của Định mệnh luận. Đây là lí thuyết dựa vào sự tồn tại của xã hội và những định chế của nó để đi đến khẳng định sự phụ thuộc của mỗi cá nhân con người vào xã hội và các định chế; đi tới khẳng định số phận con người. Lí thuyết này có những nội dung cơ bản như sau:

* Điều kiện, hoàn cảnh, môi trường xã hội, các định chế, phong tục tập quán, truyền thống của xã hội bắt buộc mỗi cá nhân con người suy nghĩ và hành động như vậy, không thể khác. Mỗi cá nhân con người không thể thoát ra ngoài hay đứng ngoài xã hội và các định chế của nó.

* Đời sống tập thể, cộng đồng xã hội và những quy định của nó quyết định những suy nghĩ, những lí tưởng, những tình cảm của mỗi cá nhân con người. Bản ngã của mỗi cá nhân con người và dư luận xã hội không cho phép nó vượt qua các rào cản. Mỗi cá nhân con người sinh ra, lớn lên, trưởng thành trong những bối cảnh nhất định và phải phụ thuộc vào chúng.

Durkheim, một đại biểu của Quyết định luận xã hội đã khẳng định: “*Sinh hoạt tâm lí của con người hoàn toàn bị xã hội quyết định*”⁽⁹⁾.

Tổng hợp lại, dù dưới hình thái biểu hiện nào, Định mệnh luận cũng là lí thuyết khẳng định sự quyết định của các thế lực, các sức mạnh ngoại tại đối với đời sống con người; khẳng định sự phụ thuộc hoàn toàn của con người vào các thế lực, các sức mạnh đó. Một khi phải phụ thuộc vào các thế lực, các sức mạnh đó và một khi không thể chống lại được, không thể thay đổi được sự quy định, sự xếp đặt của các thế lực, các sức mạnh đó thì ắt hẳn con người “*là một sinh vật yếu hèn lấm*”⁽¹⁰⁾; con người chỉ còn là kẻ thừa hành, chấp hành, chỉ còn là kẻ phải chấp nhận, phải chứng nhận, phải sống theo sự sắp đặt, sự quy định; con người ắt hẳn là sinh vật không có tự do, muôn mặt muôn đời con người phải chịu sự chỉ huy, quan phòng của các thế lực ngoại tại.

Nghiệp báo luận và những nội dung cơ bản của nó

Nghiệp báo luận cũng là lí thuyết về đời sống và số phận con người nhưng nghiệp báo luận khác với Định mệnh luận. Nếu niềm tin vào sự xếp đặt, quy định của các thế lực, các sức mạnh ngoại tại và sự không chống lại được, không thay đổi được sự xếp đặt, quy định đó là nội dung cơ bản của Định mệnh luận thì Nghiệp báo luận không phải là lí luận như vậy. Niềm tin vào sự xếp đặt, quy định của các thế lực, các sức mạnh và sự không chống lại được không thay đổi được sự xếp đặt, quy định này đối với đời

8. Vĩnh Đức, Lê Tấn Lộc. *Siêu hình học*, Nxb. Nam Giao, 1972, tr. 63.

9. Trần Văn Hiến Minh. *Từ điển và Danh từ triết học*, Tủ sách ra khơi, 1969, tr. 76 - 77.

10. Daisetz Teitaro Suzuki. *Cốt tủy của Đạo Phật*, Nxb. An Tiêm, 1971, tr. 80.

sống con người không hề có, không hề hiện hữu trong Nghiệp báo luận; không hề có tín niệm, niềm tin rằng chúng ta như thế nào là do đấng tạo hóa muốn chúng ta phải như thế, không hề có cái gọi là số phận chúng ta hoàn toàn nằm trong tay tạo hóa hay cái gọi là tất cả đều do tạo hóa quyết định trong Nghiệp báo luận.

Để triển khai lí luận của mình, Nghiệp báo luận đặt vấn đề như sau: *“Người có mắt ắt thấy cảnh đau thương của đời sống. Tại sao Brahma⁽¹¹⁾ không tạo ra một vũ trụ hoàn toàn tốt đẹp nếu oai lực của Ngài là vô hạn? Tại sao ít khi Ngài nâng tay lên để ban phước lành? Tại sao tạo vật mà chính Ngài đã sinh ra bị dọa dầy trong cảnh khổ? Tại sao Ngài không ban hạnh phúc cho tất cả? Tại sao đời sống lại đầy rẫy những sự giả dối, lừa đảo, si mê? Tại sao gian tham toàn thắng chân thật và công lí thất bại?”⁽¹²⁾*. Và Nghiệp báo luận đi đến kết luận: *“Nếu có một thần linh toàn quyền ban phước cũng như gieo tai họa cho tạo vật được chính Ngài tạo ra và cho chúng hành động tốt hay xấu, thần linh ấy quả thật đầy tội lỗi. Con người chỉ thừa hành ý muốn của Ngài”⁽¹³⁾*.

Nếu các thế lực, các sức mạnh siêu nhiên không phải là các thế lực, các sức mạnh tạo nên diễn biến đời sống và số phận con người thì những thế lực, sức mạnh nào quyết định đời sống và số phận con người? Câu trả lời của Nghiệp báo luận là: Chính con người với nếp sống hằng ngày của mình tạo ra số phận của chính nó, con người là chủ nhân của đời sống và số phận của nó. Nội dung cơ

bản của Nghiệp báo luận có thể được khái quát như sau:

Nghiệp báo luận là giáo luận của Phật giáo⁽¹⁴⁾ về định luật Nhân - Quả và sự tác động của nó đối với tiến trình sống của con người, là giáo luận về sự báo ứng của những suy nghĩ, lời nói, việc làm của con người đối với đời sống của chính nó; là giáo luận về diễn biến cuộc đời và thân phận làm người của con người. Theo Nghiệp báo luận: Tâm là cái bản thể vô hình, vô chất nhưng có năng lực hành động, tạo tác; là nguồn gốc khởi phát những suy nghĩ, lời nói, việc làm của mỗi con người. Sự hoạt động của tâm dẫn đến những suy nghĩ, lời nói và sự liên tục diễn tiến của các hành vi này tạo thành Nghiệp. *“Tâm dẫn đầu mọi hành động. Tâm làm chủ. Tâm tạo tác tất cả”⁽¹⁵⁾*. Vì vậy, Nghiệp là tất cả những suy nghĩ, lời nói, việc làm đã thực hiện đã hoàn thành trong quá trình sống, tồn tại của con người.

Đứng về chất, Nghiệp có hai loại: Thiện Nghiệp và Ác Nghiệp. Thiện Nghiệp là những suy nghĩ, lời nói, việc

11. Oxford Advanced Learner's Dictionary of Current English, Oxford University Press, 1992, p. 106.

12. Nārada Thera. *Đức Phật và Phật pháp*, Nxb. Thuận Hóa và Thành hội Phật giáo Tp. Hồ Chí Minh, 1994, tr. 371.

13. Nārada Thera. *Đức Phật và Phật pháp*, Nxb. Thuận Hóa..., sdd, tr. 372.

14. Tư tưởng nghiệp báo có trong nhiều nền triết học - tôn giáo cổ đại ở Phương Đông và Phương Tây nhưng ở Phật giáo tư tưởng này có hệ thống và được trình bày rõ ràng trong các kinh điển, vì vậy, chúng tôi chọn Nghiệp báo luận của Phật giáo làm điển hình để trình bày.

15. Nārada Thera. *Đức Phật và Phật pháp*, Nxb. Thuận Hóa..., sdd, tr. 317.

làm trong sáng, chính đáng, chân chính đem đến lợi ích cho cá nhân con người và tha nhân. Ác Nghiệp là những suy nghĩ, lời nói, việc làm vẩn đục, bất chính gây tác hại cho chính cá nhân và tha nhân. Đứng về lượng, Nghiệp có 2 loại: Biệt Nghiệp và Cộng Nghiệp. Biệt Nghiệp là Nghiệp do suy nghĩ, lời nói, việc làm của mỗi cá nhân tạo ra hay biệt nghiệp là nghiệp của cá nhân. Cộng Nghiệp là Nghiệp do suy nghĩ, lời nói, việc làm của nhiều cá nhân tạo nên hay Cộng Nghiệp là Nghiệp của cộng đồng. Đứng về tiến trình thì Nghiệp có 3 loại: Khứ Nghiệp, Hiện Nghiệp và Vô hạn định Nghiệp. Khứ Nghiệp là Nghiệp được tạo nên trong quá khứ; Hiện Nghiệp là Nghiệp đang tạo tác trong hiện tại; và Vô hạn định Nghiệp là tổng thể của Khứ Nghiệp, Hiện Nghiệp và các nghiệp được tích trữ, huân tập qua nhiều kiếp sống. Tất cả các nghiệp này quyết định, chi phối sự hình thành, xuất hiện, tồn tại, tiêu tan của một đời người và một cộng đồng người.

Tổng thể của các Nghiệp đưa tới Chính báo và Y báo. Chính báo là quả báo về cấu tạo thân xác, năng lực trí tuệ và những biến cố trong đời sống của từng cá nhân: hình thức sinh học của một con người như thế nào, sức khỏe, tuổi thọ ra sao, năng lực nhận thức thế nào, v.v... là quả báo của hành vi giao nhận tạo nghiệp của chính cá nhân mỗi người. Y báo là quả báo về hoàn cảnh, môi trường sống của mỗi người: gia đình, cộng đồng, quốc gia, châu lục. Cõi giới là ngoại cảnh mà mỗi cá nhân con người hay cộng đồng phải phụ thuộc vào trong tiến trình sống, tồn tại. Chính báo và Y báo theo nhau như bóng với hình. "Tất cả chúng

sinh đều mang theo các Nghiệp của chính mình như một di sản, như vật di truyền, như người chí thân, như chỗ nương tựa. Chính vì các Nghiệp riêng của mỗi người mỗi khác nên mới có cảnh dị đồng giữa chúng sinh"⁽¹⁶⁾.

Do gieo nhân tạo nghiệp mà đời sống con người miên viễn của sự thay thế nhau giữa sinh và tử vô tận. Trong miên viễn của dòng sống đó chúng ta là ai và chúng ta như thế nào trong hiện tại là vì chúng ta đã sống và hành động như thế nào trong quá khứ; chúng ta sẽ là ai, sẽ như thế nào trong tương lai là do chúng ta đã sống và hành động như thế nào trong hiện tại. Ta là ai và ta như thế nào trong hiện tại phụ thuộc vào ta đã là ai và như thế nào trong quá khứ; ta sẽ là ai và như thế nào trong tương lai phụ thuộc vào ta là ai, như thế nào trong hiện tại.

Do gieo nhân tạo nghiệp mà đời sống con người diễn ra như sau: "Làm người cao lớn là từ chỗ cung kính mà ra. Làm người thấp hèn vì đã khinh khi Phật Pháp"⁽¹⁷⁾, "Người sống lâu là người có lòng từ, người chết sớm vì đã sát sinh. Người giàu lớn vì hay bố thí"⁽¹⁸⁾, "Người tay chân không đều vì đã trói tay chân chúng sinh. Người tính xấu là từ rắn, bò cạp sinh. Người 6 căn đầy đủ là đã vàng giữ giới luật"⁽¹⁹⁾, "Người bị bấu cổ là đã ăn riêng một mình. Người hơi thở hôi vì đã chửi rửa. Người năm căn không đầy đủ vì đã thiếu chớ, v.v... Người tà dâm với

16. Nārada Thera. *Đức Phật và Phật pháp*, Nxb. Thuận Hóa..., sdd, tr. 305.

17. Như Ý (dịch). *Kinh thiện ác nhân quả*, Phật lịch 2536, tr. 10.

18. Như Ý (dịch). *Kinh thiện ác nhân quả*, sdd, tr. 12.

19. Như Ý (dịch). *Kinh thiện ác nhân quả*, sdd, tr. 13.

vợ con người, chết dọa làm vịt ngỗng”⁽²⁰⁾, “Người thích săn bắn, giết hại, chết làm lang sói”. Người nằm ăn chết dọa vào loài heo, v.v... Người ban tin xấu, chết làm chim cú”⁽²¹⁾, “Người khùng bố người khác chết thành hươu nai, người xén bớt đồ ăn của người chết làm trùng mỗ gổ”⁽²²⁾, “Đời này mất gian xảo là từ chỗ hay nhìn lên vợ người. Đời này bệnh vợ mắng cha mẹ, chết rơi địa ngục bị cắt lưỡi”. “Đời này đổ thêm nước vào rượu bán cho người, chết làm côn trùng trong nước”⁽²³⁾, “Đời này ưa đào giếng công cộng, đặt nước uống dọc đường, trồng cây gây bóng mát, sinh ra làm vua, thức ăn trăm vị tùy sở thích, v.v... Người bắc cầu, làm thuyền đưa người, sinh nơi chỗ có 7 báu đầy đủ, mọi người cung kính vui mừng, ai cũng chiêm ngưỡng, đi đâu được người hộ vệ”⁽²⁴⁾. Nói cách khác, những quả báo về thân mạng, tuổi thọ, năng lực nhận thức, trí tuệ, địa vị xã hội, tài sản là kết quả của hành động gieo nhân tạo nghiệp của hành vi sống từng ngày của con người. Định luật quả báo chính xác, song phẳng, không hề sai chệch: gieo nhân phải gặt quả, “Đã gieo giống nào phải gặt quả ấy. Hành thiện gặt quả lành, hành ác gặt quả ác”⁽²⁵⁾.

Như vậy, với Nghiệp báo luận Định luật về công lí không phải là định luật của Đấng Tạo hóa tối cao nào áp đặt cho con người mà chính là định luật của con người, do con người và bởi con người.

Nếu cuộc đời của mỗi con người là do nó, bởi nó, vì nó thì con người là chủ nhân của sự hạnh phúc và đau khổ của chính nó. Con người tạo ra hạnh phúc hay đau khổ cho chính mình, tạo ra thiên đàng hay địa ngục cho chính mình. Nhìn từ tâm điểm này, cái gọi là số phận hay định mệnh theo quan điểm của Nghiệp báo luận hoàn toàn khác với Định mệnh luận siêu nhiên - quan điểm đi tìm định mệnh con người ngoài con người. Đối với Nghiệp báo luận, thay vì tìm kiếm hạnh phúc ngoài kiếp sống, con người phải tạo dựng lấy cuộc đời hạnh phúc cho chính mình bởi chính mình. Con người muốn sống đời sống không khổ đau thì phải tạo Nghiệp tốt, an lành ngay trong suy nghĩ, lời nói, hành động, ngay trong từng sát na⁽²⁶⁾ của đời sống. Đó là xuất phát điểm để Nghiệp báo luận đi đến chủ trương xây dựng nền đạo đức nhân bản mà ở bài viết này chúng tôi chưa có dịp đề cập tới./.

20. Như Ý (dịch). *Kinh thiện ác nhân quả*, sđd, tr. 14.

21. Như Ý (dịch). *Kinh thiện ác nhân quả*, sđd, tr. 15.

22. Như Ý (dịch). *Kinh thiện ác nhân quả*, sđd, tr. 16.

23. Như Ý (dịch). *Kinh thiện ác nhân quả*, sđd, tr. 31.

24. Như Ý (dịch). *Kinh thiện ác nhân quả*, sđd, tr. 37.

25. Nārada Thera. *Đức Phật và Phật pháp*, Nxb. Thuận Hóa... sđd, tr. 377.

26. Tâm Huệ Hỷ. *Danh từ Phật học thực dụng*, Nxb. Tôn giáo, 2005, tr. 388, “Sát na là 1 khoảng thời gian rất ngắn giữa 2 sự cố có khi gọi là 1 niệm”.